

PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI THEO LUẬT THƯƠNG MẠI NĂM 2005, QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ TẠI TÒA ÁN

● NGUYỄN NGỌC BẢO NGHI

Sinh viên Khoa Luật, Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

Email: nnbnghi2002@gmail.com

TÓM TẮT:

Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại là 2 chế tài quan trọng nhằm bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong hoạt động thương mại. Luật Thương mại năm 2005 đã quy định tương đối đầy đủ về điều kiện áp dụng, mức phạt vi phạm, phạm vi bồi thường thiệt hại và các trường hợp miễn trách nhiệm. Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết tranh chấp tại Tòa án cho thấy vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định này. Trên cơ sở phân tích các quy định của Luật Thương mại năm 2005 và thực tiễn xét xử của Tòa án, bài viết làm rõ những bất cập trong quy định pháp luật và quá trình áp dụng pháp luật, từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng chế tài phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong quan hệ hợp đồng thương mại.

Từ khóa: phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, hợp đồng thương mại, Luật Thương mại năm 2005, thực tiễn xét xử, tòa án.

1. Đặt vấn đề

Trong hoạt động thương mại, việc các bên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ hợp đồng có thể gây ra những thiệt hại và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên bị vi phạm.¹ Để bảo đảm tính ràng buộc và nâng cao trách nhiệm trong việc thực hiện hợp đồng, pháp luật thương mại quy định nhiều chế tài xử lý hành vi vi phạm, trong đó phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại là 2 chế tài được áp dụng phổ biến.

Luật Thương mại năm 2005 đã xây dựng cơ sở pháp lý cho việc áp dụng 2 chế tài này. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử tại Tòa án cho thấy, vẫn còn tồn tại

nhiều vướng mắc liên quan đến điều kiện áp dụng, việc áp dụng đồng thời phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại, xác định mức thiệt hại và giới hạn mức phạt vi phạm. Vì vậy, bài viết tập trung phân tích các quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn xét xử nhằm chỉ ra những bất cập, từ đó đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn.

2. Khái quát về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo Luật Thương mại năm 2005

Luật Thương mại năm 2005 quy định: “Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu

trong hợp đồng có thỏa thuận, trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định tại điều 294 của Luật này². Theo quy định trên, chủ thể có quyền đòi phạt vi phạm là bên bị vi phạm, chủ thể có nghĩa vụ là bên vi phạm, khách thể trong quan hệ này mà các bên hướng đến là một khoản tiền phạt vi phạm.

Luật Thương mại năm 2005 đã định nghĩa bồi thường thiệt hại như sau: “Bồi thường thiệt hại là việc bên vi phạm bồi thường những tổn thất do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra cho bên bị vi phạm”³. Việc bồi thường thiệt hại là nghĩa vụ bắt buộc đối với bên vi phạm hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Quy định pháp luật về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

3.1. Quy định về phạt vi phạm hợp đồng thương mại

3.1.1. Điều kiện áp dụng

Các điều kiện áp dụng phạt vi phạm gồm: (i) có hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng; (ii) trong hợp đồng có điều khoản thỏa thuận về phạt vi phạm; và (iii) hành vi vi phạm không thuộc trường hợp được miễn trách nhiệm theo quy định pháp luật.

Thứ nhất, điều kiện tiên quyết để áp dụng chế tài phạt vi phạm là phải tồn tại hành vi vi phạm hợp đồng. Theo Luật Thương mại năm 2005, vi phạm hợp đồng bao gồm việc một bên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết⁴.

Thứ hai, điều kiện mang tính quyết định là sự tồn tại của thỏa thuận phạt vi phạm trong hợp đồng. Khác với giai đoạn trước đây khi pháp luật thừa nhận cả trường hợp phạt vi phạm theo quy định, hiện nay cả Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Thương mại năm 2005 đều thống nhất ghi nhận phạt vi phạm là chế tài mang tính tự nguyện, chỉ phát sinh khi các bên có thỏa thuận. Do đó, nếu trong hợp đồng không có điều khoản phạt vi phạm thì bên bị vi phạm không có cơ sở pháp lý để yêu cầu áp dụng chế tài này, dù có xảy ra hành vi vi phạm.

Thứ ba, việc áp dụng phạt vi phạm còn phụ thuộc vào việc hành vi vi phạm không thuộc trường hợp được miễn trách nhiệm theo quy định tại Điều 294 Luật Thương mại năm 2005. Các trường hợp miễn trách nhiệm bao gồm: sự kiện bất khả kháng; hành vi vi phạm hoàn toàn do lỗi của bên có quyền; việc thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết tại thời điểm

giao kết hợp đồng; hoặc các trường hợp miễn trách nhiệm đã được các bên thỏa thuận trước trong hợp đồng. Khi rơi vào các trường hợp này, bên vi phạm có thể không phải chịu hoặc chỉ chịu một phần trách nhiệm phạt vi phạm tùy theo tính chất của sự kiện làm phát sinh vi phạm.

3.1.2. Mức thiệt hại phải bồi thường thiệt hại

Theo Luật Thương mại năm 2005, các bên có quyền thỏa thuận mức phạt đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, tuy nhiên tổng mức phạt không được vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Mức phạt được tính dựa trên giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm, không phụ thuộc vào giá trị toàn bộ hợp đồng.

Trường hợp các bên thỏa thuận mức phạt bằng đúng giới hạn 8% giá trị phần nghĩa vụ vi phạm thì thỏa thuận này hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật và được Tòa án chấp nhận khi giải quyết tranh chấp. Ví dụ, nếu một hợp đồng có giá trị 100 triệu đồng và bên vi phạm chỉ thực hiện 50% nghĩa vụ, thì phần nghĩa vụ bị vi phạm là 50 triệu đồng. Khi đó, mức phạt tối đa được xác định là 8% của 50 triệu đồng, tương đương 4 triệu đồng.

Mức phạt đối với hành vi vi phạm hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 Luật Thương mại năm 2005⁵. Việc quy định giới hạn về phạt do vi phạm hợp đồng được xem là sự hạn chế tự do thỏa thuận của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng. Các bên trong hợp đồng với mục tiêu là luôn tìm kiếm lợi nhuận, tối đa hóa lợi nhuận thì việc quy định mức phạt là 8% phần nghĩa vụ vi phạm có thể không đủ sức để răn đe, phòng ngừa sự vi phạm của các thương nhân.⁶

3.1.3. Các trường hợp miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Trong pháp luật thương mại, bên vi phạm có thể được miễn áp dụng phạt vi phạm nếu hành vi vi phạm phát sinh từ sự kiện bất khả kháng; hoặc do các trường hợp miễn trách nhiệm đã được các bên thỏa thuận trước trong hợp đồng; hoặc khi hành vi vi phạm xuất phát hoàn toàn từ lỗi của bên có quyền; hoặc trong trường hợp bên vi phạm thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên không thể biết trước được nghĩa vụ phát sinh từ quyết định đó.

Điểm chung của các trường hợp nêu trên là sự gián đoạn của yếu tố lỗi hoặc sự kiểm soát của bên vi phạm đối với hành vi vi phạm, qua đó làm mất đi căn cứ để áp dụng chế tài phạt vi phạm. Tuy nhiên, để được miễn trách nhiệm, bên vi phạm có nghĩa vụ chứng minh đầy đủ các điều kiện miễn trừ theo quy định pháp luật hoặc theo thỏa thuận hợp đồng.

3.2. Quy định về bồi thường thiệt hại trong thương mại

3.2.1. Điều kiện áp dụng

Theo quy định, trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hợp đồng thương mại được xác lập khi hội đủ 3 yếu tố cơ bản gồm: có hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng; có thiệt hại thực tế phát sinh; và tồn tại mối quan hệ nhân quả trực tiếp giữa hành vi vi phạm và thiệt hại xảy ra⁷

Thứ nhất, điều kiện tiên quyết là phải tồn tại hành vi vi phạm hợp đồng. Theo khoản 12 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005, “Vi phạm hợp đồng là việc một bên không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên hoặc theo quy định của Luật này”. Như vậy, chỉ cần có sự không tuân thủ nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng hoặc từ quy định pháp luật thì đã có cơ sở xác định hành vi vi phạm.

Thứ hai, thiệt hại thực tế là điều kiện bắt buộc để phát sinh trách nhiệm bồi thường. Thiệt hại trong quan hệ thương mại được hiểu là những tổn thất thực tế, xác định được bằng tiền và có thể chứng minh được, bao gồm tổn thất về tài sản, chi phí hợp lý phát sinh để ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại, cũng như khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm lẽ ra được hưởng nếu nghĩa vụ được thực hiện đúng⁸. Theo khoản 2 Điều 302 Luật Thương mại năm 2005, giá trị bồi thường thiệt hại chỉ giới hạn trong phạm vi tổn thất thực tế, trực tiếp và khoản lợi trực tiếp bị mất, không tính phần tổn thất tinh thần không thể lượng hóa được như Bộ luật Dân sự.

Thứ ba, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại là điều kiện mang tính quyết định. Theo đó, thiệt hại chỉ được bồi thường nếu chứng minh phát sinh trực tiếp từ hành vi vi phạm hợp đồng. Nói cách khác, hành vi vi phạm phải là nguyên nhân tất yếu dẫn đến thiệt hại, đồng thời thiệt hại là hệ quả trực tiếp của hành vi đó.

Thứ tư, vấn đề yếu tố lỗi trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại cũng cần được xem xét. Khác với trách nhiệm dân sự truyền thống vốn đề cao yếu tố lỗi, pháp luật thương mại Việt Nam không coi

lỗi là điều kiện bắt buộc để phát sinh trách nhiệm bồi thường.⁹ Cách tiếp cận này xuất phát từ đặc thù của hoạt động thương mại, nơi các bên đã xác lập nghĩa vụ trên cơ sở lợi ích kinh tế và sự phân bổ rủi ro trong hợp đồng. Do đó, chỉ cần chứng minh có vi phạm nghĩa vụ và thiệt hại thực tế cùng quan hệ nhân quả là đủ căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường.

3.2.2. Mức phạt vi phạm

Theo quy định tại khoản 2 Điều 302 Luật Thương mại năm 2005, giá trị bồi thường thiệt hại bao gồm 2 cấu phần cơ bản: (i) tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải gánh chịu do hành vi vi phạm gây ra; và (ii) khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm lẽ ra được hưởng nếu không có hành vi vi phạm.

Thứ nhất, đối với phần tổn thất thực tế, trực tiếp, đây là những thiệt hại đã xảy ra trên thực tế và có thể xác định được bằng giá trị tài sản hoặc chi phí cụ thể. Các thiệt hại mang tính gián tiếp, suy đoán hoặc không chắc chắn phát sinh thường không được chấp nhận. Đồng thời, những tổn thất ngoài dự liệu hợp lý tại thời điểm giao kết hợp đồng cũng không thuộc phạm vi bồi thường, nhằm bảo đảm tính ổn định và khả năng dự đoán trong quan hệ thương mại.

Thứ hai, đối với khoản lợi trực tiếp bị mất, đây là phần lợi ích mà bên bị vi phạm đáng lẽ đạt được nếu hợp đồng được thực hiện đúng. Trên thực tế, nhóm thiệt hại này thường phát sinh nhiều tranh chấp do tính chất “không hiện hữu” của lợi ích bị mất. Việc chứng minh đòi hỏi bên yêu cầu bồi thường phải đưa ra các căn cứ cụ thể như hợp đồng đầu ra, đơn đặt hàng, thỏa thuận thương mại hoặc các tài liệu chứng minh khả năng chắc chắn thu được lợi ích.

Trong trường hợp thiệt hại phát sinh có một phần lỗi của bên bị vi phạm, mức bồi thường sẽ được xác định tương ứng với mức độ lỗi của các bên theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên tắc này nhằm bảo đảm sự công bằng trong phân bổ trách nhiệm và hạn chế việc bên bị thiệt hại được hưởng lợi không tương xứng.

3.2.3. Các trường hợp miễn áp dụng phạt vi phạm

Theo tinh thần của Luật Thương mại năm 2005, bên vi phạm không phải chịu chế độ trừng phạt vi phạm nếu hành vi vi phạm xuất phát từ những nguyên nhân khách quan hoặc không thuộc lỗi của

họ. Cụ thể, các trường hợp hình bao gồm: (i) xảy ra sự kiện bất khả kháng; (ii) hành vi vi phạm hoàn toàn gây ra lỗi còn sót lại trong hệ thống đồng đồng; và (iii) việc vi phạm phát sinh từ việc thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà các bên có thể không biết trước đó tại thời điểm giao kết hợp đồng.

Đối với trường hợp bất khả kháng, đây là cơ sở quan trọng thường được dẫn dắt để loại trừ trách nhiệm trừng phạt vi phạm. Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, sự kiện bất khả kháng được hiểu là sự kiện xảy ra với khách hàng, không thể dự liệu và không thể giải quyết dù áp dụng mọi giải pháp cần thiết.

Thứ hai, bên vi phạm có thể được miễn áp dụng hình phạt vi phạm nếu có bằng chứng cho thấy hành vi phạm tội của mình đã hoàn thành việc phát hiện lỗi của bên còn lại. Luật thương mại quy định bên vi phạm được miễn trách nhiệm khi “hành vi vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của bên kia”.

Thứ ba, việc miễn áp dụng hình phạt vi phạm vẫn có thể phát hiện khi hành vi vi phạm phát hiện từ việc thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.¹⁰ Quyết định của cơ quan nhà nước có thể vì an ninh lương thực, tạm thời cấm xuất khẩu hoặc quốc tang nên cấm các hoạt động biểu diễn nghệ thuật,... Trong trường hợp này, bên gây thiệt hại sẽ được miễn áp dụng vi phạm. Tuy nhiên nếu các bên đã biết về việc thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể dẫn đến vi phạm hợp đồng mà vẫn đồng ý giao kết hợp đồng thì không được áp dụng miễn trách nhiệm.

Cần lưu ý khi áp dụng quy định về các trường hợp miễn trách nhiệm hợp đồng, việc chứng minh các trường hợp được miễn trách nhiệm thuộc nghĩa vụ của bên có hành vi vi phạm hợp đồng. Bên vi phạm nếu muốn được miễn trách nhiệm hợp đồng thì phải có đầy đủ chứng cứ để chứng minh các trường hợp miễn trách nhiệm hợp đồng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, khi xảy ra trường hợp được miễn trách nhiệm hợp đồng còn phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia về trường hợp được miễn trách nhiệm và những hậu quả có thể xảy ra. Nếu bên vi phạm không thông báo hoặc thông báo không kịp thời cho bên kia thì phải bồi thường thiệt hại.¹¹

4. Thực tiễn xét xử của Tòa án về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong hợp đồng thương mại

Thứ nhất, trong nhiều vụ án, Tòa án đã thừa nhận nguyên tắc các bên có thể vừa thỏa thuận phạt vi phạm vừa yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu có căn cứ chứng minh thiệt hại thực tế. Tuy nhiên, vẫn tồn tại trường hợp Tòa án chỉ chấp nhận phạt vi phạm mà không chấp nhận yêu cầu bồi thường do bên yêu cầu không chứng minh được thiệt hại¹² hoặc chứng cứ không đủ rõ ràng. Điều này cho thấy gánh nặng chứng minh trong thực tiễn xét xử có ý nghĩa quyết định đối với việc bảo vệ quyền lợi của bên bị vi phạm.

Thứ hai, việc xác định giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm để làm căn cứ tính mức phạt vi phạm cũng còn nhiều khác biệt trong nhận thức và áp dụng. Một số bản án cho thấy, Tòa án có xu hướng diễn giải chặt chẽ, giới hạn phạm vi nghĩa vụ bị vi phạm để đảm bảo mức phạt không vượt quá 8% theo quy định của Luật Thương mại 2005¹³. Tuy nhiên, trong các hợp đồng có cấu trúc nghĩa vụ phức tạp, việc xác định chính xác giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm vẫn gặp nhiều lúng túng, dẫn đến kết quả xét xử không đồng nhất.

Thứ ba, thực tiễn xét xử cũng cho thấy khó khăn lớn trong việc xác định thiệt hại thực tế và khoản lợi trực tiếp bị mất. Nhiều yêu cầu bồi thường bị Tòa án bác bỏ do không chứng minh được mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại hoặc do thiệt hại mang tính gián tiếp, suy đoán. Điều này phản ánh xu hướng tiếp cận thận trọng của Tòa án trong việc công nhận thiệt hại trong lĩnh vực thương mại.

5. Kiến nghị nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong hợp đồng thương mại

Thứ nhất, cần tiếp tục hoàn thiện quy định pháp luật theo hướng làm rõ hơn mối quan hệ giữa phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại, đặc biệt là điều kiện áp dụng đồng thời 2 chế tài này. Việc thống nhất cách hiểu trong hệ thống pháp luật sẽ góp phần hạn chế sự không đồng nhất trong thực tiễn xét xử và nâng cao tính dự đoán của pháp luật trong các giao dịch thương mại.

Thứ hai, cần có hướng dẫn cụ thể hơn về cách xác định thiệt hại thực tế và khoản lợi trực tiếp bị mất, nhất là trong các trường hợp thiệt hại mang tính gián tiếp hoặc khó lượng hóa. Việc cụ thể hóa tiêu chí chứng minh thiệt hại sẽ giúp Tòa án và các bên đương sự có căn cứ rõ ràng hơn trong quá trình giải quyết tranh chấp, hạn chế tình trạng yêu cầu

bồi thường bị bác bỏ do thiếu cơ sở chứng minh.

Thứ ba, đối với chế tài phạt vi phạm, cần có sự giải thích thống nhất về cách xác định giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm trong các hợp đồng có cấu trúc phức tạp. Điều này giúp việc áp dụng mức phạt theo giới hạn của Luật Thương mại năm 2005 được chính xác và minh bạch hơn.

Thứ tư, cần tăng cường vai trò của án lệ và các văn bản hướng dẫn xét xử của Tòa án nhân dân tối cao nhằm bảo đảm sự thống nhất trong áp dụng pháp luật. Việc công bố và áp dụng án lệ trong lĩnh vực hợp đồng thương mại sẽ góp phần định hướng thực tiễn xét xử và giảm thiểu sự khác biệt giữa các cấp Tòa án.

Thứ năm, các bên trong quan hệ thương mại cần nâng cao ý thức pháp lý khi giao kết và thực hiện hợp đồng, đặc biệt là trong việc quy định rõ ràng về điều khoản phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các trường hợp miễn trách nhiệm. Điều này không chỉ hạn chế tranh chấp phát sinh mà còn góp phần

nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong thực tiễn.

6. Kết luận

Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại là 2 chế tài quan trọng trong pháp luật thương mại, góp phần bảo đảm việc thực hiện đúng nghĩa vụ hợp đồng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên bị vi phạm. Luật Thương mại năm 2005 đã quy định tương đối đầy đủ về điều kiện áp dụng, mức phạt, phạm vi bồi thường và các trường hợp miễn trách nhiệm. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử tại Tòa án cho thấy vẫn còn tồn tại một số vướng mắc trong việc xác định điều kiện áp dụng, mối quan hệ giữa phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại, cách xác định thiệt hại thực tế cũng như giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm làm căn cứ tính mức phạt. Do đó, việc tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật và thống nhất cách thức áp dụng trong hoạt động xét xử là cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền lợi của các chủ thể và bảo đảm sự ổn định, an toàn của các quan hệ thương mại. ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Nguyễn Thị Thủy (2024). Pháp luật về miễn trách nhiệm do vi phạm hợp đồng kinh doanh, thương mại. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, truy cập tại <https://danchuphapluat.vn/phap-luat-ve-mien-trach-nhiem-do-vi-pham-hop-dong-kinh-doanh-thuong-mai-4328.html>

²Điều 300 Luật Thương mại năm 2005.

³Khoản 1 Điều 302 Luật Thương mại năm 2005.

⁴Khoản 12 Điều 3 Luật thương mại năm 2005.

⁵Điều 301 Luật Thương mại năm 2005.

⁶Nguyễn Đức Anh (2021). Phạt vi phạm hợp đồng theo pháp luật thương mại Việt Nam. Truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/phat-vi-pham-hop-dong-theo-phap-luat-thuong-mai-viet-nam>

⁷Điều 303 Luật Thương mại năm 2005.

⁸Trịnh Phương Thảo (2020). “Tồn thất thực tế và trực tiếp” do vi phạm hợp đồng liệu có bao gồm các tồn thất bên bị vi phạm phải gánh chịu theo một hợp đồng khác với bên thứ ba không?. Truy cập tại <https://vietnam-business-law.info/blog-lut-kinh-doanh/2020/11/27/tn-tht-thc-t-v-trc-tip-do-vi-phm-hp-ng-liu-c-bao-gm-cc-tn-tht-bn-b-vi-phm-ph-gnh-chu-theo-mt-hp-ng-khc-vi-bn-th-ba-khng>.

⁹Hà Đức Bình (2019). Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm trong kinh doanh thương mại theo pháp luật Việt Nam. Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

¹⁰Điều d Khoản 1 Điều 294 Luật Thương mại năm 2005

¹¹Trần Việt Dũng (chủ biên) (2024). Giáo trình Luật Thương mại Quốc tế - Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh. Nhà xuất bản Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội

¹²Hoàng Hải Linh, Phạm Vũ Gia Khánh, Phạm Thành Đạt (2026). Hoàn thiện pháp luật về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong hợp đồng. Truy cập tại <https://danchuphapluat.vn/hoan-thien-phap-luat-ve-phat-vi-pham-va-boi-thuong-thiet-hai-trong-hop-dong-8637.html>.

¹³Lê Thị Tuyết Hà (2026). Thực tiễn áp dụng pháp luật về chế tài phạt vi phạm trong hợp đồng thương mại. Truy cập tại <https://lapphap.vn/Pages/TinTuc/212145/Thuc-tien-ap-dung-phap-luat-ve-che-tai-phat-vi-pham-trong-hop-dong-thuong-mai.html>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Hà Đức Bình (2019). Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm trong kinh doanh thương mại theo pháp luật Việt Nam. Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

Hoàng Hải Linh, Phạm Vũ Gia Khánh, Phạm Thành Đạt (2026). Hoàn thiện pháp luật về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong hợp đồng. Truy cập tại <https://danchuphapluat.vn/hoan-thien-phap-luat-ve-phat-vi-pham-va-boi-thuong-thiet-hai-trong-hop-dong-8637.html>.

Lê Thị Tuyết Hà (2026). Thực tiễn áp dụng pháp luật về chế tài phạt vi phạm trong hợp đồng thương mại. Truy cập tại <https://lapphap.vn/Pages/TinTuc/212145/Thuc-tien-ap-dung-phap-luat-ve-che-tai-phat-vi-pham-trong-hop-dong-thuong-mai.html>.

Nguyễn Đức Anh (2021). Phạt vi phạm hợp đồng theo pháp luật thương mại Việt Nam. Truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/phat-vi-pham-hop-dong-theo-phap-luat-thuong-mai-viet-nam>.

Nguyễn Thị Thủy (2024). Pháp luật về miễn trách nhiệm do vi phạm hợp đồng kinh doanh, thương mại. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, truy cập tại <https://danchuphapluat.vn/phap-luat-ve-mien-trach-nhiem-do-vi-pham-hop-dong-kinh-doanh-thuong-mai-4328.html>

Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005). Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005.

Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015). Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015.

Trần Việt Dũng (chủ biên) (2024). Giáo trình Luật Thương mại Quốc tế - Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh. Nhà xuất bản Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội

Trịnh Phương Thảo (2020). “Tồn thất thực tế và trực tiếp” do vi phạm hợp đồng liệu có bao gồm các tồn thất bên bị vi phạm phải gánh chịu theo một hợp đồng khác với bên thứ ba không?. Truy cập tại <https://vietnam-business-law.info/blog-lut-kinh-doanh/2020/11/27/tn-tht-thc-t-v-trc-tip-do-vi-phm-hp-ng-liu-c-bao-gm-cc-tn-tht-bn-b-vi-phm-phi-gnh-chu-theo-mt-hp-ng-khc-vi-bn-th-ba-khng>.

Ngày nhận bài: 05/05/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 22/05/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 09/06/2026

PENALTIES FOR BREACH AND COMPENSATION FOR DAMAGES UNDER THE 2005 COMMERCIAL LAW: LEGAL PROVISIONS AND JUDICIAL PRACTICE

● NGUYEN NGOC BAO NGHI

Student, Faculty of Law, Ho Chi Minh City University of Industry and Trade

Email: nnbnghi2002@gmail.com

ABSTRACT:

Penalty clauses and compensation for damages are key legal remedies to ensure contractual performance and protect parties' rights in commercial transactions. Although the 2005 Commercial Law provides relatively comprehensive regulations, judicial practice reveals challenges in their application. This study analyzes legal provisions and court practices to identify limitations and proposes recommendations to improve legal frameworks and enhance enforcement effectiveness.

Keywords: penalty for breach, compensation for damages, commercial contracts, Commercial Law 2005, judicial practice, courts.